

Bản án số: 20/2018/HS-ST
Ngày 12 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Bá Trung

Ông Nguyễn Văn Thạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hồ Thị H (Tên gọi khác: X), sinh ngày 09/11/1981 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: đường Nguyễn Tất T, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: thợ uốn tóc; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ H (đã chết) và bà Võ Thị C (sinh năm 1936); có chồng là Phạm Thế P (sinh năm 1978 nhưng đã ly hôn) và 02 con, con lớn (sinh năm 2006), con nhỏ (sinh năm 2008).

Nhân thân: Nhỏ ở với bố mẹ tại phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đi học đến lớp 9 thì nghỉ học phụ giúp gia đình rồi đi học nghề uốn tóc. Năm 2004 kết hôn, sinh sống và làm nghề uốn tóc tại thị xã H cho đến năm 2013 thì ly hôn chồng và tiếp tục làm nghề, sinh sống cùng hai con tại địa phương; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Võ Quốc V, sinh ngày 10/02/1963 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Từ năm 1986 đến năm 2013 cư trú tại: VA, Hoa Kỳ. Từ năm 2013 đến nay tạm trú tại: Thôn H, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (không có giấy tờ gì về đăng ký thường trú, tạm trú theo quy định); nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Hoa Kỳ; con ông Võ Đại G và

bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị X (sinh năm 1961, đang định cư tại Hoa Kỳ nhưng đã ly hôn) và chưa có con.

Nhân thân: Nhỏ sống với bố mẹ tại xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, đi học đến lớp 12 thì nghỉ học. Năm 1983 đi vượt biên và ở Trại tị nạn Indonesia, đến năm 1986 thì sang định cư tại Hoa Kỳ. Năm 1995 kết hôn và đến năm 2013 thì ly hôn. Tháng 5/2013 về Việt Nam và tạm trú tại xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến nay; tiền án: có 01 tiền án: Ngày 25/01/2016 bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù giam về tội Đánh bạc (chưa được xóa án tích); tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Lê Văn Q (Tên gọi khác: N), sinh ngày 24/12/1982 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: thợ nề (thợ hồ); trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ (sinh năm 1958) và bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1959); có vợ là Ngô Thị Hồng N (sinh năm 1982) và 02 con, con lớn (sinh năm 2007), con nhỏ (sinh năm 2015).

Nhân thân: Nhỏ ở với bố mẹ tại xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đi học đến lớp 9 thì nghỉ học, sau đó đi học thợ nề, làm nghề và sinh sống tại thị xã H cho đến nay; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Văn N, sinh ngày 26/11/1980 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: công nhân cầu đường Công ty C có trụ sở đóng tại đường Lý Đạo T, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Phạm Thị X (sinh năm 1952); có vợ là Đinh Thị H (sinh năm 1979) và 02 con, con lớn (sinh năm 2000), con nhỏ (sinh năm 2009).

Nhân thân: Nhỏ ở với bố mẹ và đi học tại xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Học hết lớp 12 thì nghỉ học rồi đi học nghề và làm nghề xây dựng tại Nghệ An. Năm 2002, cùng vợ và con vào sinh sống và làm việc tại phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến nay; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Đức H (Tên gọi khác: B), sinh ngày 01/01/1985 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức N (sinh năm 1949) và bà Lê Thị G (sinh năm 1952); có vợ là Đoàn Thị H (sinh năm 1985) và 02 con, con lớn (sinh năm 2004), con nhỏ (sinh năm 2011).

Nhân thân: Nhỏ ở với bố mẹ và đi học tại xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Học hết lớp 10 thì nghỉ học, sau đó đi học nghề và làm nghề lái xe. Ngày 02/12/2017 đi sang Lào làm ăn buôn bán, đến ngày 15/02/2018 thì trở về Việt Nam và ra đầu thú

tại cơ quan Công an tỉnh Thừa Thiên Huế; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Nguyễn Hữu C, sinh ngày 25/3/1969 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: đường Nguyễn Tất T, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: kinh doanh nhà nghỉ; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T (sinh năm 1944) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1945); có vợ thứ nhất là Nguyễn Thị H (sinh năm 1970, đã ly hôn năm 2007) và 02 con, con lớn (sinh năm 1990), con nhỏ (sinh năm 1996), có vợ thứ hai là Đinh Thị M (sinh năm 1971 và chưa có con).

Nhân thân: Nhỏ ở với bố mẹ tại xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Năm 1987 làm việc tại xưởng 5 thuộc Bộ đội Biên phòng đóng tại thị trấn C, huyện T, thành phố Hà Nội. Năm 2003 thì nghỉ việc, năm 2005 vào làm tổ tự quản trật tự tại huyện T, thành phố Hà Nội. Năm 2012, vào sinh sống và kinh doanh nhà nghỉ tại phường P, thị xã H cho đến nay; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Mậu X; sinh năm 1961; nơi cư trú: phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Anh Lê Xuân D; sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu tập thể phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 07/10/2017, Hồ Thị H điện thoại rủ Lê Văn Q (mang theo số tiền 4.010.000 đồng), Nguyễn Đức H (mang theo số tiền 1.380.000 đồng), Nguyễn Hữu C (mang theo số tiền 300.000 đồng) đến nhà của mình tại địa chỉ đường Nguyễn Tất T, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế để đánh bạc dưới hình thức đánh bài “Phỏm” với mức ăn thua bằng tiền 5 - 10 - 15 - 20 - 25, có nghĩa là khi kết thúc một ván đánh người thấp điểm nhất sẽ về nhất và thắng tiền của ba người còn lại. Theo đó, người thấp điểm thứ hai thua 50.000 đồng, người thấp điểm thứ ba thua 100.000 đồng, người thấp điểm thứ tư thua 150.000 đồng; người nào không có “phỏm” (tức là cháy) thì thua 200.000 đồng. Khi có người thắng “ù” (tức có 03 phỏm trên tay bài) sẽ thắng tiền của ba người chơi còn lại, mỗi người thua phải trả cho người thắng “ù” với số tiền 250.000 đồng và người thắng “ù” phải bỏ xâu 50.000 đồng để chi phí cho việc mua bài, thuốc lá và nước uống phục vụ cho việc đánh bài. Ngoài ra, người thua “gà” thứ nhất (quân bài đánh xuống bị ăn “phỏm”) là 50.000 đồng, thua “gà” thứ hai là 100.000 đồng, người thua cả ba “gà” thì phải trả toàn bộ số tiền cho người thắng “ù” với số tiền 750.000 đồng (chưa tính tiền thua ba “gà”).

Sau khi thống nhất việc ăn thua tiền và quy định về cách thức chơi, Hồ Thị H, Q, H và C bắt đầu ngồi đánh bạc. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Võ Quốc V đến mang theo số tiền 3.500.000 đồng thì Hồ Thị H nghỉ đánh để nhường chỗ của mình cho V vào đánh bạc. Ngồi đánh khoảng 15 phút thì C nghỉ đánh nên Hồ Thị H vào ngồi thay chỗ của C để cùng với Q, H và V tiếp tục đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn N đến (mang theo số tiền 4.330.000 đồng) thì H nói hết tiền nên nghỉ đánh, N đã vào thay H rồi cùng với Q, V và Hồ Thị H để tiếp tục đánh bạc. Khoảng 17 giờ 40 phút cùng ngày, trong lúc Hồ Thị H, Q, V, N đang đánh bài “phỏm” thì bị Công an thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm: Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 3.950.000 đồng và 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân bài; Thu giữ tiền trên người các bị cáo gồm: Võ Quốc V 3.150.000 đồng và 01 hộ chiếu số 561670358, Lê Văn Q 4.510.000 đồng, Nguyễn Văn N 4.330.000 đồng.

Ngày 22/01/2018, Nguyễn Hữu C đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 300.000 đồng. Ngày 28/02/2018, Nguyễn Đức H đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 580.000 đồng, đây là số tiền còn lại trong tổng số tiền 1.380.000 đồng mà bị cáo đã sử dụng để đánh bạc và đã thua 800.000 đồng.

Như vậy, các bị cáo Hồ Thị H, Lê Văn Q và Võ Quốc V đã tham gia đánh bạc với tất cả các bị cáo còn lại cho đến khi bắt quả tang nên phải chịu chung tang số phạm tội là 16.820.000 đồng. Nguyễn Đức H và Nguyễn Hữu C tham gia đánh bạc từ đầu nhưng đã nghỉ đánh trước khi Nguyễn Văn N vào tham gia đánh bạc nên không phải chịu tang số đánh bạc của Nguyễn Văn N mà chỉ phải chịu tang số phạm tội là 12.490.000 đồng. Đối với Nguyễn Văn N tham gia đánh bạc cùng với Hồ Thị H, Lê Văn Q và Võ Quốc V cho đến khi bị bắt quả tang nên phải chịu tang số tại thời điểm bị bắt quả tang là 15.940.000 đồng mà không phải chịu tang số đối với số tiền tham gia đánh bạc của Nguyễn Đức H và Nguyễn Hữu C.

Đối với hành vi của bị cáo Hồ Thị H về việc sử dụng nhà của mình làm địa điểm đánh bạc, mặc dù các bị cáo khai nhận có hình thức bỏ xâu mỗi ván số tiền 50.000 đồng khi người thắng “ù” nhưng nhằm mục đích mua bài, thuốc lá và nước uống phục vụ cho việc đánh bạc chứ không phải nhằm mục đích thu lợi bất chính nên không đủ cơ sở để xử lý bị cáo Hồng về tội Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS-P1 ngày 23/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Hồ Thị H, Võ Quốc V, Lê Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức H, Nguyễn Hữu C về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015,

xử phạt bị cáo Võ Quốc V từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

+ Bị cáo Hồ Thị H từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

+ Bị cáo Lê Văn Q từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

+ Bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

+ Bị cáo Nguyễn Hữu C từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), phạt bổ sung mỗi bị cáo số tiền 5.000.000 đồng.

Giao các bị cáo Hồ Thị H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hữu C cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Giao các bị cáo Lê Văn Q, Nguyễn Đức H cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 52 lá bài Tú lơ khơ; tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 16.820.000 đồng đã thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo dùng để đánh bạc.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Thị H, Võ Quốc V, Lê Văn Q, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đức H, Nguyễn Hữu C đều thừa nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng mức án nhẹ nhất của điều luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, các bị cáo trong quá

trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 10 giờ 30 phút đến 17 giờ 40 phút ngày 07/10/2017, tại địa chỉ đường Nguyễn Tất T, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, các bị cáo Hồ Thị H, Lê Văn Q, Võ Quốc V, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn N và Nguyễn Hữu C liên tục thay nhau thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bài “Phỏm” có ăn thua bằng tiền. Quá trình bắt phạm tội quả tang đã thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân bài và số tiền 3.950.000 đồng; thu giữ tiền trên người các bị cáo gồm: Võ Quốc V 3.150.000 đồng và 01 hộ chiếu số 561670358, Lê Văn Q 4.510.000 đồng, Nguyễn Văn N 4.330.000 đồng. Quá trình điều tra, Nguyễn Hữu C thừa nhận sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc nên ngày 22/01/2018 đã tự nguyện giao nộp số tiền này cho cơ quan điều tra, Nguyễn Đức H khai nhận dùng số tiền 1.380.000 đồng để đánh bạc, thua hết 800.000 đồng, số tiền còn lại 580.000 đồng thì đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra vào ngày 28/02/2018.

Như vậy, các bị cáo Hồ Thị H, Lê Văn Q và Võ Quốc V đã tham gia đánh bạc với tất cả các bị cáo còn lại cho đến khi bắt quả tang nên phải chịu chung tang số phạm tội là 16.820.000 đồng. Nguyễn Văn N tham gia đánh bạc cùng với Hồ Thị H, Q và V cho đến khi bị bắt quả tang nên phải chịu tang số tại thời điểm bị bắt quả tang là 15.940.000 đồng. Nguyễn Đức H và Nguyễn Hữu C không tham gia đánh bạc cùng với N nên chỉ chịu tang số phạm tội là 12.490.000 đồng.

Xét các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh bạc bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng để thỏa mãn ham muốn và có thể thu lợi mà không phải lao động, các bị cáo đã cùng nhau đánh bạc dưới hình thức đánh bài “Phỏm”. Hành vi của các bị cáo gây ra đã xâm phạm trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình cũng như tình hình trật tự trị an tại địa phương và chính sách xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư của Nhà nước. Do đó, bản cáo trạng số 05/CT-VKS-P1 ngày 23/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án, thấy rằng:

- Bị cáo Hồ Thị H là người khởi xướng, chuẩn bị địa điểm, công cụ để thực hiện hành vi đánh bạc. Bị cáo đã điện thoại rủ rê các bị cáo khác và trực tiếp tham gia đánh bạc một cách tích cực nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

- Bị cáo Lê Văn Q là người tham gia đánh bạc tích cực với tất cả các bị cáo khác từ khi bắt đầu cho đến khi bị bắt phạm tội quả tang, số tiền bị cáo Q dùng để đánh bạc cũng tương đối lớn nên phải chịu trách nhiệm tương đương với hành vi phạm tội đã thực hiện chỉ sau bị cáo Hồ Thị H.

- Bị cáo Võ Quốc V cũng là người tích cực tham gia đánh bạc với tất cả các bị cáo khác nhưng do không tham gia đánh bạc từ đầu nên chịu trách nhiệm thấp hơn bị cáo Hồ Thị H và bị cáo Q.

- Bị cáo Nguyễn Văn N dù tham gia đánh bạc trong thời gian ngắn nhưng đã dùng số tiền để đánh bạc tương đối lớn nên phải chịu trách nhiệm tương xứng với hành vi đã thực hiện.

- Các bị cáo Nguyễn Đức H và Nguyễn Hữu C mặc dù tham gia đánh bạc từ đầu nhưng số tiền dùng để đánh bạc không lớn và đã nghỉ đánh trước khi bị bắt phạm tội quả tang nên có vai trò thấp hơn các bị cáo khác.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Thị H, Lê Văn Q, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hữu C đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự là thuộc trường hợp nhân thân tốt. Riêng bị cáo H sau khi đi làm ăn và biết bản thân mình bị truy nã thì đã ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa là phù hợp nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi xã hội thì vẫn đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo H và bị cáo C là thấp nhất nên cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ thì cũng đủ giáo dục và thể hiện được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

Đối với bị cáo Võ Quốc V, mặc dù trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nhưng bị cáo đã từng bị kết án về tội Đánh bạc chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên đã phạm vào tính tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo và giáo dục thêm.

[5] Đối với hành vi của bị cáo Hồ Thị H về việc sử dụng nhà của mình làm địa điểm đánh bạc, mặc dù các bị cáo khai nhận có hình thức bỏ xâu mỗi ván số tiền 50.000 đồng khi người thắng “ù” nhưng không phải để thu lợi bất chính mà nhằm mục đích mua bài, thuốc lá và nước uống phục vụ cho việc đánh bạc. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế không truy tố bị cáo Hồ Thị H về tội Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc là có cơ sở.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 52 lá bài Tú lơ khơ là phương tiện dùng để đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy; còn số tiền 16.820.000 đồng đã thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo đã chứng minh được dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Hồ Thị H, Võ Quốc V, Lê Văn Q,

Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hữu C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hồ Thị H, Võ Quốc V, Lê Văn Q, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hữu C phạm tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

+ Xử phạt bị cáo Hồ Thị H 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hồ Thị H cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Phạt bổ sung bị cáo Hồ Thị H số tiền 10.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn Q số tiền 5.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 5.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Võ Quốc V 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Võ Quốc V số tiền 5.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Đức H cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo mỗi tháng 500.000 đồng trong thời gian chấp

hành hình phạt cải tạo không giam giữ (12 tháng x 500.000 đồng = 6.000.000 đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Hữu C cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo mỗi tháng 200.000 đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ (09 tháng x 200.000 đồng = 1.800.000 đồng).

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy 52 lá bài Tú lơ khơ;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 16.820.000 đồng đã thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo dùng để đánh bạc.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/5/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Hồ Thị H, Võ Quốc V, Lê Văn Q, Nguyễn Đức H, Nguyễn Văn N, Nguyễn Hữu C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT - Huế;
- Sở Tư pháp;
- Phòng PV27 CA tỉnh TT - Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT - Huế;
- Cục THADS tỉnh TT - Huế;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA, HCTP, KTNV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đào Thị Mai Hương